



CHÚA ĐÃ GỌI CON

Trang tin của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam loan báo, trong phiên họp sáng 15.04.2021 trong Hội Nghị Thường Niên lần I/2021 của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam diễn ra tại Toà Giám Mục Nha Trang từ ngày 12 – 16 / 4 / 2021 "*Hội nghị lắng nghe những chia sẻ của Đức Cha Giáo phận Đà Lạt; Hội nghị cũng chấp thuận để Giáo phận Đà Lạt khởi sự tiến trình xin mở án phong chân phước và hiển thánh cho Đức cha Jean Cassaigne.*" Hồ sơ đệ trình của giáo phận Đà Lạt có những đoạn kể công trạng và những chứng từ về Ngài:

"Đức cha JEAN CASSAIGNE (1895 – 1973), vị tông đồ truyền giáo cho anh chị em dân tộc Kơho và sáng lập Trại phong Di Linh.

Trong bản tường trình năm 1920, Đức cha Victor Quinton Giám mục Giáo phận Sài Gòn đã nói đến ý định truyền giáo cho người dân tộc trên cao nguyên Djiring – Langbiang. Nhưng công cuộc truyền giáo này chỉ thực sự bắt đầu khi Đức cha Dumortier đặt cha Jean Cassaigne, một linh mục thuộc Hội Thừa sai Paris đến Di Linh năm 1927. Đức cha Dumortier viết trong bản tường trình năm 1927 như sau:

"Chúa Quan Phòng đã sắp đặt cho tôi một vị tông đồ như ý để khởi sự công cuộc truyền giáo cho người dân tộc. Tôi thấy cha Cassaigne được chuẩn bị tốt để chịu được gian khổ thiếu thốn. Vừa khi biết chương trình truyền giáo của tôi, cha Cassaigne đã tình nguyện và bày tỏ niềm vui khôn tả khi nghe tôi công bố việc bổ nhiệm ngài vào công cuộc này". Để có thể gặp gỡ những người dân tộc rụt rè nhút nhát trước những người xa lạ, cha Cassaigne khởi sự bằng cách học nói tiếng của họ, một ngôn ngữ quá mới mẻ và không có chữ viết. Cha Cassaigne đã phải mày mò ký tự từng chữ trong ngôn ngữ của họ. Công việc này đã cuốn hút vị thừa sai trẻ đầy nhiệt huyết.

Vì thế, vào tháng 12-1929 cha Cassaigne đã xuất bản Từ điển Pháp – Kơho – Việt, đây là cuốn từ điển đầu tiên hình thành chữ viết cho ngôn ngữ Kơho, một công trình rất đáng trân trọng vì góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc và phát triển cho người dân tộc Kơho. Tháng 12-1937 cha Cassaigne xuất bản cuốn: Phong tục tập quán người dân tộc Kơho, đây cũng là một công trình đầu tiên nghiên cứu về người Kơho, một công trình giúp cho cha Cassaigne có thể hiểu và gặp gỡ được với những người dân tộc và từ đó nói về Chúa cho họ. Năm 1938 cha cho xuất bản tập Giáo lý cho người Kơho.

Chính nhờ việc hiểu được ngôn ngữ và phong tục tập quán Kơho, cha Cassaigne đã thực sự trở thành người khai phá, trở thành ông tổ của công cuộc truyền giáo cho người dân tộc, và cha đã thành công trong việc đemƠn Cứu Độ đến cho rất nhiều người dân tộc thuộc

các buôn làng trong miền Cao nguyên Di Linh – Langbiang. Hoa trái của công cuộc truyền giáo là vào chiều ngày áp lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, 7-12-1927, cha Cassaigne đã rửa tội cho bà Ka Trut, một bệnh nhân phong cùi thường xuyên nhận sự giúp đỡ của cha. Bà Maria Ka Trut qua đời ngày 20-12-1927 và được an táng ngày 22-12-1927 tại nghĩa trang của người dân tộc Di Linh.

Tin Mừng của Chúa đã được người dân tộc đón nhận vì họ cảm nghiệm được tình yêu Chúa qua những hành vi bác ái yêu thương của cha Cassaigne. Họ đã thực sự nhận ra cha Cassaigne yêu thương họ qua việc ngài yêu thương đón nhận và nuôi dưỡng những anh chị em phong cùi của họ, những con người bất hạnh vì gia đình và buôn làng sợ hãi bị lây nhiễm đã xua đuổi họ vào trong những khu rừng vắng để họ chết dần chết mòn trong nỗi đau thể xác và tinh thần.

Ngày 17-2-1929, cha Cassaigne đã quy tụ những người bệnh nhân phong cùi và thành lập Trại Phong Di Linh. Ngài đã xây dựng Trại Phong thành một gia đình ấm cúng che chở những bệnh nhân phong cùi bất hạnh để cho cuộc đời của họ được yên ủi sớm tối có nhau.

Ngày 20-2-1941, ngài nhận được một bức điện tín khiến ngài buồn bã., đến nỗi người ta phải dò hỏi ngài! Ngài cầu nhàu trả lời "Họ đã tấn công dồn dập bắt tôi làm giám mục". Đức Giám mục Sài Gòn vừa qua đời năm vừa rồi và Tòa Thánh tìm một người kế vị và đã chọn vị linh mục của người phong cùi. Vị thừa sai phải rời bỏ Di Linh. Sự chia ly rất đau lòng cho cả hai phía: anh em Thượng và nhất là những bệnh nhân phong cùi mất người cha của họ; vị linh mục phải xa con cái ngài. Dù vậy vị thừa sai không do dự vâng lời Tòa Thánh với đức tin và lòng can trường. "Tôi là kẻ từng mơ thành một thừa sai tầm thường. Tôi, kẻ đã coi sự nghèo khó của mình là niềm hãnh diện và niềm vui, lại trở thành một hoàng tử của Giáo Hội. Nhưng, dù người ta sẽ thay y phục và chỗ ở của tôi, song chẳng ai thay được con người chất phác nơi tôi". Khẩu hiệu "Bác Ái và Yêu Thương" do ngài chọn đã nói lên điều đó rất nhiều.

Ngày 24-6-1941, ngay từ 7 giờ sáng, chuông các nhà thờ Sài Gòn đồng loạt đổ vang, báo tin lễ tấn phong Đức cha Cassaigne. Nghi lễ diễn ra ở Nhà Thờ Chính Tòa. Đám đông ken dày: có những bạn bè đến từ khắp nơi... và những anh em Thượng đi thành đoàn đại diện. Các anh em Thượng bận y phục ngày lễ; họ làm khách tham dự thấy vui thích, mặc dù nhiều người An Nam tỏ ra khó chịu trước cảnh tượng ấy. Nghi lễ phụng vụ dài, quá dài đối với anh em Thượng. Họ liền rời chỗ để đi tham quan tháp chuông. Khi ra khỏi Nhà Thờ Chính Tòa, bị đám đông xô lấn khiến họ hoảng sợ, họ liền trèo lên cây cao để nhìn đám rước. Đức cha Cassaigne mỉm cười khi nhìn thấy họ. Tân Giám mục bắt tay vào công việc. Đó là một con người đơn sơ. Lối vào Tòa Giám mục rộng mở tự do và bất cứ ai cũng có thể gõ cửa văn phòng của ngài. Các nhân chứng ngày nay vẫn còn nhớ lại đã thấy ngài đi xe đạp hoặc xe Vespa thăm các khu nghèo ở Sài Gòn. Ngài rong ruổi khắp địa phận rộng lớn của ngài.

Ngày 19-12-1954, vào dịp kỷ niệm thụ phong linh mục của ngài, Đức cha Cassaigne dâng Thánh Lễ Tạ Ơn. Nhưng trong khi cử hành Thánh Lễ, ngài thấy trên mặt da mình, chỗ phía trên cổ tay một chút, có một vết đỏ hồng màu rượu. Khi Thánh Lễ kết thúc, ngài lấy một cái kim châm vào chỗ ấy: hoàn toàn không cảm thấy đau! Ngài hiểu đó là bệnh phong cùi. "Linh mục dâng hiến tế Thánh Thể, cũng phải trở thành hy vật", sau này ngài sẽ viết như thế. Công việc vất vả sáu tháng vừa qua đã làm cho các bộ phận cơ thể ngài vốn mệt mỏi, lại bị suy yếu, bệnh phong cùi năm phục từ lâu, nay phát tác. Đức cha Cassaigne giữ bí mật tin này, chỉ cho các bề trên của ngài biết. Thuốc điều trị do các bác sĩ cho, đã làm ngài suy

kiệt. Sẽ phải mau chấm dứt thôi! Vết hồng lan rộng gấp đôi. Ngày 5-3-1955, ngài viết cho cha bề trên Hội Thừa sai Paris: "Tôi xin cha cho phép tôi nộp đơn từ chức sang Tòa Thánh và rút lui về Trại Phong Di Linh, bên cạnh những con cái mà tôi yêu thương nhất và Chúa quyền uy, với lòng nhân ái vô biên, đã cho tôi được nên giống như họ". Lời cầu xin của ngài được chấp thuận và Tòa Thánh bổ nhiệm một giám mục kế vị ngài, Đức cha Simon-Hòa Nguyễn Văn Hiền, được tấn phong trong Nhà Thờ Chính Tòa của ngài, ngày 30-11-1955. Ngày 2-12-1955, Đức cha Cassaigne trở về Di Linh.

Từ đây, Đức cha dành trọn cuộc đời còn lại để sống giữa những người con cái để âm thầm yêu thương và phục vụ Trại Phong Di Linh. Tháng 2-1973 Đức cha bị ngã gãy xương bên đùi phải, và chính vì vết thương này mà ngài phải trải qua gần 8 tháng liệt giường. Bên giường bệnh, Đức cha nói với người nữ tu chăm sóc ngài và một số bệnh nhân thay phiên trực: "Suốt 47 năm dài (1926–1973), cha đã sống giữa các con, đã sống tại Việt Nam này và đã dâng hiến tất cả cho các con. Giờ đây cha không còn tiếc gì về sự dâng hiến toàn diện ấy. Việt Nam chính là quê hương thứ hai của cha, bởi vì Chúa muốn như vậy. Khi về với Chúa, cha vẫn ở với các con, các con đừng lo..."

Thứ bảy ngày 20-10-1973, Đức cha bắt đầu trở bệnh nặng với những cơn đau khiến phải phải thốt lên: "Tôi đau đớn lăm, tôi đau đớn quá". Mười ngày trôi qua, vào lúc 10g00 đêm ngày 30-10-1973, Đức cha lãnh nhận bí tích Xức dầu lần cuối do cha sở họ Di Linh và rạng sáng hôm sau Đức cha đã được Chúa gọi về hồi 1g25. Đức cha được an táng bên nhà nguyện Trại Phong ngày 5-11-1973."

Có rất nhiều chứng từ gồm linh mục, bác sĩ, giáo dân tiếp cận với Ngài kể về đời sống khổ hạnh và nêu gương bác ái của Ngài dành cho người cùi. Ngày 26-7-2007, bà Maria Nguyễn Thị Lệ, sinh năm 1938 tại Bắc Ninh đã đến viếng mộ Đức cha và để lại chứng từ: "Năm 1983 tôi bị những cơn đau dữ dội, liệt đi không nổi, đau đớn đến độ chán nản thất vọng vì bệnh tật, đau khổ vì hoàn cảnh nghèo khổ cực, bữa no bữa đói... Dầu vậy, tôi không bỏ Chúa, cố gắng bước đi chậm chạp, đau buốt với một bàn chân bị sưng tấy nặng nề. Khoảng tháng 6 năm 1983, sau giờ chầu Thánh Thể ban chiều, tôi đến trước tượng Đức cha Cassaigne ở cuối nhà thờ vừa khóc vừa than vì sự đau đớn, nghèo nàn của mình và tôi thưa với Đức cha: Cha ơi, thương con, kéo con chết vì con đau đớn quá, con nghèo khổ chẳng có tiền chữa bệnh, con chỉ muốn chết cho yên, con xin Đức cha cầu xin Chúa và Đức Mẹ cất bệnh đau đớn cho con, nếu đẹp lòng Chúa và Đức Mẹ; còn nếu không, thì xin Đức cha thêm sức cho con để con chịu đựng cơn bệnh này cho nên. Từ từ, ngày qua ngày, con cảm thấy sự đau buốt giảm dần, và sau một thời gian con khỏi bệnh hẳn, đi đứng bình thường. Cuối năm 1983 con bỏ Di Linh về Đắc Nông với gia đình người con để làm ăn, cho đến nay là được 24 năm con lành bệnh. Con xin tạ ơn Chúa, tạ ơn Đức cha Cassaigne. Con, Maria Nguyễn Thị Lệ".

Một chứng từ khác do bác sĩ K'Đi chia sẻ bên phần mộ Đức cha Cassaigne trong đêm canh thức dịp lễ Giỗ năm 2007: "Dân gian thường nói: Không có vợ, chợ cũng đông! Nhưng với Trại Phong chúng con nói chung và bản thân con nói riêng, trải qua kinh nghiệm của cuộc sống, con đã nhận ra rằng: nếu không có sự hiện diện của Đức cha Jean Cassaigne thì có lẽ không có Trại Phong Di Linh và chắc chắn cũng không có con trên cuộc đời này. Nhưng nhờ tình yêu thương của Đức cha, ba mẹ con đã can đảm sống với căn bệnh đáng sợ mà còn được hạnh phúc vì được làm con Chúa. Khi Đức cha ra đi về với Chúa, thì con mới được 5 tuổi, với thời gian đó và tuổi thơ, con chưa biết Đức cha được bao nhiêu. Nhưng càng ngày qua các biến cố của cuộc đời, con đã nhận ra từng bước bàn tay yêu thương quan phòng của Chúa dìu dắt chúng con, như lời Đức cha đã hứa: Trên thiên đàng, cha sẽ biết

được nhiều, biết rõ hơn về nhu cầu của chúng con; cha sẽ cầu nguyện đặc lực và nhiều hơn gấp bội cho chúng con. Với ngọn đèn rực sáng đức tin và tình bác ái mà Đức cha đã thắp sáng bằng sự dâng hiến tất cả cho Chúa và cho chúng con, và với lời cầu bầu của Đức cha bên cạnh Chúa mà con đã nhận được biết bao hồng ân trong cuộc sống: được dạy dỗ nuôi nấng, được yêu thương chăm sóc, và được học hành như bao người khác, có thể nói còn hơn nhiều người khác nữa. Nhờ tình thương và hồng ân của Đức cha, nhờ những người đã tiếp nối vòng tay yêu thương của Đức cha và nhờ những ân nhân xa gần mà ngày hôm nay, có thể nói được, là con đã thành đạt trong cuộc sống, có chỗ đứng trong xã hội: con đã là bác sĩ chuyên khoa ngoại, điểu vượt ra ngoài mơ ước của con. Đây là cảm nghiệm của riêng con, xin được chia sẻ như một chứng từ về tình yêu thương mà Đức cha cố dành cho chúng con”.

(Giáo Phận Đà Lạt)

Trước biến cố thống nhất đất nước, ngay từ năm 1972, ở cuối nhà thờ Fatina Bình Triệu đã thấy bức tượng “một giám mục tay cầm thánh giá, tay phải ôm ngang vai một người cùi, dưới chân trái có em bé khoẻ mạnh, cả ba đều ngược mắt lên trời cao” Dưới bệ có ghi: Đức Cha Gioan Cassaigne, trên bức tượng có gắn nhiều bảng ghi “Tạ ơn Đức Giám Mục Gioan Cassaigne”

Đức Cha Cassaigne quả đã vâng theo lời gọi của Chúa Giêsu ra khơi, giữa dòng sâu thẳm lưới để được mẻ cá lớn, chinh phục bao nhiêu kẻ bất hạnh vất vưởng bên lề xã hội, và từ bỏ mọi sự đi theo Người, đúng như **Tin Mừng** hôm nay:

Khi ấy, dân chúng chen nhau lại gần Đức Giêsu để nghe lời Thiên Chúa, lúc đó Người đứng ở bờ hồ Giê-nê-sarét. Người trông thấy hai chiếc thuyền đậu gần bờ; những người đánh cá đã ra khỏi thuyền và họ đang giặt lưới. Người xuống một chiếc thuyền, thuyền đó của ông Simon, và Người xin ông đưa ra khỏi bờ một chút. Rồi Người ngồi trên thuyền, giảng dạy dân chúng. Vừa giảng xong, Người bảo ông Simon rằng: “Hãy đẩy thuyền ra chỗ nước sâu, và thả lưới bắt cá”. Ông Simon thưa Người rằng: “Thưa Thầy, chúng con đã cực nhọc suốt đêm mà không được gì hết; nhưng vì lời Thầy, con sẽ thả lưới”. Các ông đã thả lưới và bắt được rất nhiều cá; lưới các ông hầu như bị rách. Bấy giờ các ông làm hiệu cho các bạn đồng nghiệp ở thuyền bên cạnh đến giúp đỡ các ông. Những người này tới, họ đổ cá đầy hai chiếc thuyền, đến nỗi những thuyền chở nặng gần chìm.

Thấy thế, ông Simon sụp lạy dưới chân Chúa Giêsu và thưa Người rằng: “Lạy Chúa, xin Chúa hãy tránh xa con, vì con là người tội lỗi”. Ông kinh ngạc và tất cả mọi người ở đó với ông cũng kinh ngạc trước mẻ cá mà các ông vừa mới bắt được; cả ông Giacôbê và Gioan, con ông Giêbêđê, bạn đồng nghiệp với ông Simon cũng thế. Nhưng Chúa Giêsu phán bảo ông Simon rằng: “Đừng sợ hãi: từ đây con sẽ là kẻ chinh phục người ta”. Bấy giờ các ông đưa thuyền vào bờ, và đã từ bỏ mọi sự mà đi theo Người. (Lc 5, 1-11)

I- CHÚA ĐÃ GỌI CON

*** Nhưng con có là chi?** Con chỉ là hạt cát trong đại dương. Con đây tội lỗi, con ngạo mạn thách đố, như “lũ Biệt Phái ngoan cố nghịch thù, đã hành hạ giết hết sứ giả của

quân vương". (Mt 22:5-6). Con yếu hèn, bất lực và tội lỗi, thiếu Thánh Thần con chẳng thể nào thoát vòng u tối. Con bất kính như người dự tiệc không mang áo cưới, thiếu ơn Ngài, con đời đời phải "khóc lóc nghiêng rặng". Con là kẻ khốn nạn đáng thương. Vậy mà chúa đã gọi con. Gọi con như đã gọi Simon và Gioan, Giacôbê nghèo hèn không ai biết đến. Nhưng vì lòng thương bao la như biển cả, Ngài dạy con dẫn thân như các môn đệ đã đem tình Ngài yêu thương cho đồng loại. Ngài đã nhắc con lên, để đặt con ngang hàng vương đế của Dân Chúa. Ngài trao con sứ mạng, trong chương trình cứu chuộc của Ngài:

[7] Kẻ mọn hèn, Chúa kéo lên khỏi vùng cát bụi
Ai nghèo túng, Người cất nhắc từ khối tro phân.

[8] Người cho chỗ tốt phần hơn,
Cùng hàng quyền quý là dân của Ngài.

[9] Cho người son sẻ hiếm hoi,
Con đàn cháu đống thêm vui cửa nhà.

(Tv 113: 7-9)

*** Gọi con từ khi con lãnh bí tích rửa tội gia nhập đoàn chiên của Chúa.**

Con trở thành Kitô hữu, con trở thành môn đệ, để con làm đúng chứng nhân của Ngài như trong **Bài Đọc I**, Isaya trình thuật đã được nhìn thấy vinh quang chói lòà của Thiên Chúa. Rồi người gọi ông làm ngôn sứ cho Người, ông đã mau mắn đáp lại Xin vâng:

[1] Năm vua Ôzia băng hà, tôi đã được thị kiến Chúa
Người ngự giữa toà ngai rất cao ;

Ngai Người ngự cao chót vót.

Tà áo của Người phủ lấp Thánh Đường.

[2] Phía trên Người, là hàng Xêraphim.

Mỗi thiên thần có sáu cánh:

hai cánh che mặt,

hai cánh che chân

và hai cánh để bay.

[3] Các vị ấy đối đáp tung hô:

"Thánh! Thánh! Chí Thánh!

Đức Chúa các đạo binh là Đấng Thánh

Cả mặt đất rạng ngời vinh quang Chúa!"

[4] Tiếng tung hô rung chuyển các cột cửa,

Khấp Đền Thờ khói toả mịt mù.

[5] Ngôn sứ hốt hoảng rụng rời:

"Khốn thân tôi, chết tôi rồi!

Vì tôi là kẻ miệng môi ô uế,

Tôi sống giữa một dân ô uế miệng môi.

Thế mà mắt tôi được thấy Đức Vua rạng ngời uy linh.

Người là Đức Chúa các đạo binh!"

[6] Bấy giờ, một Sêraphim bay đến tôi,

Ngài cầm cục than lửa đỏ sáng ngời,

cục than vẫn dùng để gắp khỏi nơi bàn thờ.

[7] Ngài đưa cục than ấy chạm miệng tôi,

Và Ngài nói với tôi:

"Cái này chạm đến môi ngươi,

Tội ngươi được xoá, lỗi ngươi tha rồi."

[8] Rồi tôi nghe tiếng Chúa Trời
phán rằng: "Ta sẽ sai ai bây giờ?
Ai là người Ta có thể nhờ được đây?"
Tôi thưa: "Dạ, có con đây!
Con xin tình nguyện, xin Ngài sai con!"
(Is. 6,8)

II- CON PHẢI LÀM SAO CHO XỨNG VỚI ƠN GỌI

* Trước hết con phải có lòng tin chính Chúa là điểm tựa cho con

Ester được vua Assur ban ngôi hoàng hậu. Vua nghe tên gian thần Mađôkê xiểm nịnh ra sắc chỉ tiêu diệt dân Do Thái. Cha nuôi cô là "ông Mađôkê liền xé áo mình ra. Ông mặc bao bị và rắc tro lên mình. Ông ra giữa thành, lớn tiếng kêu thất thanh. Ông thốt lên những lời chua chanh đau buốt" kể tội gian thần. Vâng lệnh cha nuôi, cô cũng tập hợp dân Do Thái, cô cùng các cung nữ làm theo, ăn chay cầu nguyện ba ngày ba đêm:

"Xin Ngài đổi lòng con sự tử ấy
để nó căm thù kẻ hãm hại chúng con,
khiến bọn hăn sẽ không còn đất sống.
Xin thương giải thoát dân Ngài.
Con cô đơn lắm, xin Ngài cứu con.
Lạy Ngài, ngoài Chúa từ nhân
Con còn ai nữa đỡ đần cứu con?
[Ester17.19]

Không tin cậy lấy Chúa là điểm tựa, không thể có đủ sức mạnh để hành động. Cô Ester đã nhận ra đường lối phải theo, tiên quyết phải tìm cách tiếp cận nhà vua, dần dần thuyết phục được nhà vua. Aman bị treo cổ trên giá y đã dựng sẵn tính treo cổ kẻ thù mình là Adamôkê. Và nhà vua tuyên bố trong sắc chỉ phục hồi quyền của người Do Thái. Và quả thực, có ai ngờ, cô đã thành người lãnh đạo điều khiển được quân vương. Tất một lời để làm nên sức mạnh ấy, tiên vàn là cầu nguyện. *Bằng đức tin và cầu nguyện, Chúa đã lắng nghe nhậm lời.* Bởi vì Chúa là Đấng nhân từ khoan dung. Lòng Chúa thương xót bao la không hề bỏ rơi con cái đã được tạo dựng nên giống hình ảnh Ngài.

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=117&ia=23476>

* Sau nữa, con phải khiêm nhường

Trong **Bài Đọc II**, thánh Phaolô, đã đáp lại tiếng gọi "Quo Va Dis?", trở nên môn đệ nhiệt thành hơn bao giờ hết. Ngài tường thuật hành trình rao giảng của ngài bị chống đối:

"Anh em thân mến, tôi xin nhắc lại cho anh em Tin Mừng mà tôi đã rao giảng cho anh em, và anh em đã lãnh nhận và đang tin theo, nhờ đó anh em được cứu độ, nếu anh em tuân giữ lời lẽ tôi đã rao giảng, bằng không anh em đã tin cách vô ích. Tôi đã rao truyền cho anh em trước tiên điều mà chính tôi đã nhận lãnh: đó là Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng theo như lời Thánh Kinh. Người được mai táng và ngày thứ ba Người đã sống lại đúng theo như lời Thánh Kinh. Người đã hiện ra với ông Kêpha, rồi với mười một vị. Sau đó, Người đã hiện ra với hơn năm trăm anh em trong một lúc; nhiều người trong

số anh em đó hãy còn sống tới nay, nhưng có vài người đã chết. Rồi Người hiện ra với Giacôbê, rồi với các Tông đồ. Sau cùng, Người cũng hiện ra với chính tôi như với đứa con đẻ non. *Tôi vốn là kẻ hèn mọn nhất trong các tông đồ, và không xứng đáng được gọi là tông đồ, vì tôi đã bắt bớ Hội Thánh của Thiên Chúa.* Nhưng nay tôi là người thế nào, là nhờ ơn của Thiên Chúa, và ơn của Người không vô ích nơi tôi, nhưng *tôi đã chịu khó nhọc nhiều hơn tất cả các Đấng: song không phải tôi, nhưng là ơn của Thiên Chúa ở với tôi.* Dù tôi, dù là các Đấng, chúng tôi đều rao giảng như thế cả, và anh em cũng đã tin như vậy. (1 Cr 15, 1-11)

Thánh Phaolô nêu gương đức khiêm nhường, nhận mình "*con có là chi?*". Ngài không ý mình được Chúa chọn và yêu thương mà sinh ra tự đại kiêu căng. Đức khiêm nhu giúp ngài kiên trì nhẫn nại. Mặc dù bị người ta chê bai, chỉ trích, khích bác, ngài vẫn chịu đựng, thay vì bực bội đối đáp kháng cự, Ngài vẫn im hơi nhận mình là con người bất xứng, đầy tội lỗi, từng ruồng bặt, hành hạ Giáo Hội, thế mà lại được chọn và là kẻ sau rốt được chọn, nên khiêm hạ coi mình chỉ là như "*đứa con đẻ non*"

III- TẮT MỘT LỜI, CON PHẢI DỨT KHOÁT TỪ BỎ MỌI SỰ ĐỂ ĐI THEO CHÚA

Chúa đã từng phán: "Nếu ai muốn theo ta, thì phải từ bỏ chính mình, vác thập tự giá mình hàng ngày mà theo ta. Nếu ai đến theo ta mà không ghét cha mẹ mình, vợ con mình, anh em chị em mình, chính cả sự sống mình nữa, thì không thể làm môn đồ ta được. Ai không vác thập tự giá mình mà theo ta, không thể làm môn đồ ta được." (Luca 9:23; 14:26-27)

Lần kia, đang khi Thầy trò đi đường thì có kẻ thưa Người rằng: "Thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo." Người trả lời: "Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu." Đức Giê-su nói với một người khác: "Anh hãy theo tôi!" Người ấy thưa: "Thưa Thầy, xin cho phép tôi về chôn cất cha tôi trước đã." Đức Giê-su bảo: "Cứ để kẻ chết chôn kẻ chết của họ. Còn anh, anh hãy đi loan báo triều đại Thiên Chúa." (Luca 9: 57-60)

Lại có một người đến thưa Đức Giê-su rằng: "Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?" Đức Giê-su đáp: "Sao anh hỏi tôi về điều tốt? Chỉ có một Đấng tốt lành mà thôi. Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn." Người ấy hỏi: "Điều răn nào?" Đức Giê-su đáp: "Người không được giết người. Người không được ngoại tình. Người không được trộm cắp. Người không được làm chứng gian. Người phải thờ cha kính mẹ", và "Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình." Người thanh niên ấy nói: "Tất cả những điều đó, tôi đã tuân giữ, tôi còn thiếu điều gì nữa không?" Đức Giê-su đáp: "Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy đi bán tài sản của anh và đem cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi." Nghe lời đó, người thanh niên buồn rầu bỏ đi, vì anh ta có nhiều của cải. (Mat. 19:16-22).

Ông Phê-rô lên tiếng thưa Người: "Thầy coi, phần chúng con, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy!" Đức Giê-su đáp: "Thầy bảo thật anh em: Chẳng hề có ai bỏ nhà cửa, anh em, chị em, mẹ cha, con cái hay ruộng đất, vì Thầy và vì Tin Mừng, mà ngay bây giờ, ở đời này, lại không nhận được nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con hay ruộng đất, gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu ở đời sau. Quả thật, nhiều kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót, còn những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu." (Mat. 19: 27-30; Luca 18: 28-30)

IV- LỜI NGUYỆN

Lạy Chúa,

Có sự cân xứng nào giữa gánh nặng Chúa trao và sự yếu hèn của con, giữa sự cất nhắc và sự hư không của con?

Vậy Lạy Chúa,

Chúa đã đặt gánh nặng cho con, xin Chúa gánh vác con, xin Chúa hãy là người hướng dẫn và nâng đỡ con. (thánh Lê-ô Cả)

*Con nghe gõ cửa trong mơ
Chạy ra thấy Chúa đứng chờ gọi con.
Gọi con lội suối trèo non,
Gọi con đi khắp lối mòn nhân gian,
Gọi con gieo rắc bình an,
Gọi con làm đúng chứng nhân của Ngài.*

Khi con nghe những con tim thổn thức
Khóc cuộc đời đông bão quét rặng đông,
Khi con nghe lời gièm pha tranh chấp,
Vì ghét ghen, vì oán thù bất đồng,
Khi vọng tiếng kêu não lòng chẳng dứt
Mang oan khiên bị luận tội bất công,
*Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.
Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.*

Khi con nghe dấy lên tâm vị kỷ
Chẳng phục vụ, nhưng muốn chỉ được hơn
Khi con nghe lòng mình không tự chủ,
Vì trí khôn bị cảm tình lấp mờ,
Khi tầm mắt con giới hạn bảo thủ,
Không trông xa hẹp hòi chẳng dám cho.
*Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.
Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.*

Khi con nghe tiếng kêu van nài nỉ
Khóc cuộc đời cơ áo hết còn đâu
Khi con nghe luận điệu xa chân lý
Lạc đức tin vì cao ngạo cứng đầu
Khi nhìn Thánh Kinh lửa hồng triệt huỷ
Quân ma vương cuồng dục định tóm thâu
*Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.
Con nhớ rằng khi ấy Chúa gọi con.*

=><https://www.youtube.com/watch?v=OdDgi8dGxVA&feature=youtu.be>

Ben. Đỗ Quang-Vinh